

Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2022

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10
MST:0301114000**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quận 10, ngày 26 tháng 6 năm 2023

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
A	Quét dọn vệ sinh				
	- Lòng đường	1000m ²	107.208,17	107.208,17	100%
	- Via hè	1000m ²	91.394,89	91.394,89	100%
	- Cầu, đường dân sinh	1000m ²	1.245,23	1.245,23	100%
B	Khối lượng thoát nước				
	- Hầm ga (cái)	cái	9.294	9.294	100%
	- Cống (md)	md	100.584	100.584	100%
D	Khối lượng chăm sóc cây xanh				
D.1	Khối lượng tháng 1,2,3				
	Chăm sóc thảm cỏ	m ²	1.044.611,1	1.044.611,1	100%
	Chăm sóc bồn hoa kiềng	m ²	264.539,7	264.539,7	100%
	Cây xanh	m ²	70.380	70.380	100%
	Vệ sinh đường nội bộ	m ²	606.168	606.168	100%
D.2	Khối lượng tháng 4-12 (gói thầu 2022-2024)				
	Chăm sóc thảm cỏ	m ²	4.140.834,5	4.131.412,1	99,77%

	Chăm sóc bồn hoa kiểng, cây kiểng, cây xanh	m ²	418.000	213.125	50,99%
	Vệ sinh đường nội bộ	m ²	1.829.850	1.825.175	99,74%
	Bảo vệ mảng xanh	m ²	1.159.152,5	1.159.152,5	100%
E	Khối lượng vận chuyển rác (tấn)	tấn	84.900	85.551,7	100,77%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ Công ích trong năm				

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP:

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội
3. Trách nhiệm với nhà cung cấp
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng
5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thảo